

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 879 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ  
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ tại phụ lục kèm theo quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, VP (THTK).

**BỘ TRƯỞNG**



**Lê Vĩnh Tân**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NỘI VỤ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng 9 năm 2019 của Bộ Nội vụ)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Tần xuất thực hiện báo cáo	Văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ báo cáo
1.	Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm ngành Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Bộ Nội vụ (Văn phòng Bộ)	01 lần/năm Trước ngày 10/6 hằng năm	Thông tư số 08/2019/TT-BNV ngày 10/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
2.	Báo cáo Tổng kết công tác năm ngành Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Bộ Nội vụ (Văn phòng Bộ)	01 lần/năm Trước ngày 10/12 hằng năm	Thông tư số 08/2019/TT-BNV ngày 10/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
3.	Kế hoạch biên chế công chức hàng năm	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức – Biên chế)	01 lần/năm Trước ngày 20/7 hằng năm	Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức.
4.	Báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức – Biên chế)	01 lần/năm Trước ngày 31/12 hằng năm	Khoản 7 Điều 12, Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập
5.	Tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tình hình biên chế	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, UBND cấp tỉnh	Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức – Biên chế)	2 lần/năm (6 tháng/01 lần)	Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ

6.	Báo cáo đánh giá, phân loại công chức, viên chức hằng năm	Các Bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ (Vu Công chức - Viên chức)	01 lần/năm Trước ngày 01/3 hằng năm	Tai khoản 5, Điều 1, Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức
7.	Báo cáo kỷ luật công chức, viên chức hằng năm	Các Bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ (Vu Công chức - Viên chức)	01 lần/năm Trước ngày 30/9 hằng năm	Điều 68 Luật Cán bộ, công chức năm 2008
8.	Báo cáo kết quả thực hiện xét nâng ngạch không qua thi đối với cán bộ, công chức, viên chức đã có thông báo nghỉ hưu	Các Bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ (Vu Công chức - Viên chức)	01 lần/năm Tháng 12 hằng năm	Tai khoản 3, Mục IV Thông tư số 03/2008/TT-BNV ngày 03/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
9.	Báo cáo kết quả thực hiện nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và ngạch và các ngạch, chức danh tương đương ngạch chuyên viên cao cấp	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nội vụ (Vu Tiền lương)	01 lần/năm Quý IV hằng năm	Điểm d Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
10.	Báo cáo kết quả thực hiện xét nâng ngạch không qua thi đối với cán bộ, công chức, viên chức đã có thông báo nghỉ hưu	Người đứng đầu các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ (Vu Tiền lương)	01 lần/năm Tháng 12 hằng năm	Khoản 3 Mục IV Thông tư số 03/2008/TT-BNV ngày 03/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
11.	Báo cáo kết quả thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (loại A3) năm	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Nội vụ (Vu Tiền lương)	01 lần/năm Tháng 12 hằng năm	Điểm 3.3 Khoản 3 Mục IV Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

12.	Báo cáo Danh mục các dự án, công trình thuộc diện nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử theo quy định	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước) và Bộ Xây dựng	01 lần/năm Trước ngày 31/12 hằng năm	Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BNV-BXD của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Xây dựng
13.	Báo cáo về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và tình hình hoạt động dịch vụ lưu trữ trên địa bàn quản lý	Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)	01 lần/năm Trước ngày 15/01 của năm liền kề	Thông tư số 09/2014/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
14.	Báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý của quỹ ở địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ)	01 lần/năm Trước ngày 01/01 của năm liền kề	Điểm g Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP, ngày 12/4/2012 của Chính phủ
15.	Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các quy xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong cả nước	Các quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong cả nước	Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ)	01 lần/năm Trước ngày 31/3 hằng năm	Khoản 10 Điều 30 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP, ngày 12/4/2012 của Chính phủ
16.	Báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý của hội ở địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ)	01 lần/năm Trước ngày 01/01 của năm liền kề	Khoản 7 Điều 38 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, ngày 21/4/2010 của Chính phủ
17.	Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các hội có phạm vi hoạt động trong cả nước	Các hội có phạm vi hoạt động trong cả nước	Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ)	01 lần/năm Trước ngày 01/12	Khoản 7 Điều 24 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, ngày 21/4/2010 của Chính phủ
18.	Báo cáo về hoạt động chữ thập đỏ	Hội chữ thập đỏ Việt Nam	Bộ Nội vụ (Vụ Tổ chức phi chính phủ)	01 lần/năm Trước ngày 01/10	Khoản 2 Điều 31 Luật Hoạt động chữ thập đỏ
19.	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ Nội vụ (Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức)	01 lần/năm Trước ngày 31/01 của năm liền kề	Khoản 1 Điều 44 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ
20.	Báo cáo định kỳ hằng năm về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của trường trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân	Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng bộ, ngành; Trường Chính trị cấp tỉnh; Trung tâm bồi dưỡng Chính trị cấp huyện	Bộ Nội vụ (Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức)	01 lần/năm Chậm nhất là ngày 31/01 hằng năm	Thông tư số 06/2014/TT-BNV ngày 09/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

21.	Báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên và việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước”	Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nội vụ (Vu Công tác thanh niên)	01 lần/năm Trước ngày 15/2 hàng năm	Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 78/2017/NĐ-CP ngày 03/7/2017 của Chính phủ
-----	---	---	------------------------------------	---	---